

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 40

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Ngày 5 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 05/GPDC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty gia tăng vốn điều lệ lên 615.000 triệu đồng.

Tháng 12 năm 2014, căn cứ Quyết định của chủ sở hữu Công ty về việc tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng, Công ty đã hoàn thành tất cả các thủ tục tăng vốn và trình nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Ngày 10 tháng 12 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 6805/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ tăng vốn.

Ngày 15 tháng 1 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 05/GPDC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty gia tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 12 tháng 1 năm 2014 như sau:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Minh Tâm	Chủ tịch	Ngày 17 tháng 9 năm 2013
Ông Francis Seow	Thành viên	Ngày 7 tháng 11 năm 2013
Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	Ngày 30 tháng 9 năm 2013
Bà Ami Moris	Thành viên	Ngày 22 tháng 10 năm 2012
Ông Ong Cheow Kheng	Thành viên	Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Ban Kiểm soát

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Trưởng ban	Ngày 22 tháng 10 năm 2012
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Ngày 27 tháng 7 năm 2012
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Ngày 27 tháng 7 năm 2012

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CƠ CẤU TỔ CHỨC (tiếp theo)

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát từ ngày 13 tháng 1 năm 2014 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Thành viên

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Ronnie Royston Fernandiz	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Lê Minh Tâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
		Từ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2014
Ông Ong Cheow Kheng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2014
Ông Francis Seow	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
		Từ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2014
Bà Ami Moris	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Jeffrey Goh Cho Kiat	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2014
Ông Goh Keat Jin	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2014

Ban Kiểm soát

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mohamad Yasin bin Abdullah	Thành viên	Ngày 13 tháng 1 năm 2014
	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 2 năm 2014
Ông Koh Boon Hann	Thành viên	Ngày 13 tháng 1 năm 2014
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Ngày 13 tháng 1 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	Ngày 29 tháng 10 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 1 tháng 9 năm 2010
Ông Kim Thiên Quang	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 19 tháng 8 năm 2014
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Ngày 10 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Thiên Trúc, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: *Thh*



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60994674/17110913

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") lập ngày 6 tháng 2 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

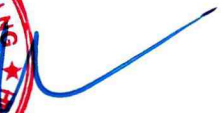
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1



Võ Ngọc Thúy An
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2222-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2015

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.392.114.431.555	704.724.385.645
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	611.131.570.220	352.848.973.344
111	1. Tiền		214.021.570.220	248.840.102.337
112	2. Các khoản tương đương tiền		397.110.000.000	104.008.871.007
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	4.074.400
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	4.074.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	772.495.684.769	342.552.288.659
132	1. Trả trước cho người bán		167.373.000	760.625.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		780.916.443.751	351.105.649.266
138	3. Các khoản phải thu khác		1.505.257.329	779.403.704
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.093.389.311)	(10.093.389.311)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		8.487.176.566	9.319.049.242
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7.1	2.691.602.154	2.795.709.192
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	37.950.200
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	22	2.446.325.712	3.071.721.279
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7.2	3.349.248.700	3.413.668.571
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.834.358.770	30.931.958.504
220	I. Tài sản cố định		12.772.818.464	14.142.829.611
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.017.189.066	11.484.886.859
222	- Nguyên giá		36.927.828.930	34.508.805.410
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.910.639.864)	(23.023.918.551)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.592.556.398	2.480.797.489
228	- Nguyên giá		17.008.357.266	16.647.026.740
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.415.800.868)	(14.166.229.251)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		1.163.073.000	177.145.263
260	III. Tài sản dài hạn khác		16.061.540.306	16.789.128.893
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.412.524.140	7.640.112.727
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	11.649.016.166	9.149.016.166
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.420.948.790.325	735.656.344.149

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		547.006.402.572	410.988.727.148
310	I. Nợ ngắn hạn		546.979.817.267	410.978.608.430
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	265.646.791.381	153.580.661.454
312	2. Phải trả người bán		56.287.355	533.000.446
313	3. Người mua trả tiền trước		553.532.000	595.032.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.764.490.027	1.883.490.862
316	5. Chi phí phải trả	14	16.787.871.305	7.085.867.824
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	189.635.398	110.869.634
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	260.960.586.028	247.188.442.651
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		20.623.773	1.243.559
330	II. Nợ dài hạn		26.585.305	10.118.718
335	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17	26.585.305	10.118.718
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		873.942.387.753	324.667.617.001
410	I. Vốn chủ sở hữu		873.942.387.753	324.667.617.001
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	829.110.000.000	300.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.611.260.239	3.556.412.666
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		3.611.260.240	3.556.412.667
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.609.867.274	17.554.791.668
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.420.948.790.325	735.656.344.149

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
006	1. Chứng khoán lưu ký	4.476.268.000.000	3.205.523.890.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	2.757.832.740.000	2.070.522.980.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	4.080.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.607.571.640.000	1.441.090.960.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.150.261.100.000	629.427.940.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	25.498.440.000	34.205.460.000
014	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	25.498.440.000	34.205.460.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố	26.527.000.000	24.650.000.000
020	1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	1.877.000.000	-
	1.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	24.650.000.000	24.650.000.000
027	1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	178.008.590.000	97.012.450.000
029	1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán bù trừ của khách hàng trong nước	168.380.490.000	97.010.450.000
030	1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán bù trừ của khách hàng nước ngoài	9.628.100.000	2.000.000
037	1.5. Chứng khoán chờ giao dịch	-	6.276.850.000
039	1.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	-	6.256.960.000
040	1.5.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	19.890.000
042	1.6. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	1.488.401.230.000	972.856.150.000
044	1.6.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay của khách hàng trong nước	1.488.342.230.000	972.856.150.000
	1.6.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo các khoản vay của khách hàng nước ngoài	59.000.000	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	74.381.850.000	168.947.860.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	2.1. Chứng khoán giao dịch	64.801.310.000	161.098.860.000
053	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	64.008.610.000	160.068.160.000
054	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	792.700.000	1.030.700.000
056	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	9.580.540.000	7.849.000.000
058	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	9.580.540.000	7.849.000.000

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2015

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		189.002.674.380	115.825.099.136
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		93.046.013.872	55.922.440.820
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		27.122.750	13.593.226
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		3.861.327.727	317.272.727
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.874.364.911	1.471.971.502
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		585.000.000	699.863.635
01.9	Doanh thu khác	19	89.608.845.120	57.399.957.226
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		189.002.674.380	115.825.099.136
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(96.369.183.217)	(79.010.933.125)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		92.633.491.163	36.814.166.011
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(71.826.858.257)	(55.445.262.907)
30	7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		20.806.632.906	(18.631.096.896)
31	8. Thu nhập khác		-	322.931.818
32	9. Chi phí khác		-	(527.233.633)
40	10. Lỗ khác		-	(204.301.815)
50	11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		20.806.632.906	(18.835.398.711)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(625.395.567)	(3.326.082)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.2	(16.466.587)	(621.911.526)
60	14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		20.164.770.752	(19.460.636.319)

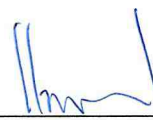
Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		20.806.632.906	(18.835.398.711)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định	20, 21	5.136.292.930	5.890.655.556
03	- Các khoản dự phòng	21	-	1.936.151.872
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.752.032.976)	(9.122.595.147)
06	- Chi phí lãi vay	20	13.439.429.932	4.546.621.509
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.630.322.792	(15.584.564.921)
09	- Tăng các khoản phải thu		(429.614.073.384)	(89.032.584.831)
10	- Giảm đầu tư ngắn hạn		3.868.206	17.066.209
11	- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		23.804.125.917	55.829.146.798
12	- Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.354.195.625	(6.294.528.551)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(13.308.476.939)	(4.314.990.940)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.435.580.129)	(3.660.298.179)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(392.565.617.912)	(63.040.754.415)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.788.781.783)	(7.675.970.803)
22	2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	322.931.818
25	3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		-	(238.560)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.978.562.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.460.866.644	12.302.869.658
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.672.084.861	6.928.154.113

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng
(tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Maybank Kim Eng)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Nhận góp vốn của chủ sở hữu	18.1	529.110.000.000	-
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.764.123.201.763	657.399.158.145
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.652.057.071.836)	(537.909.209.146)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		641.176.129.927	119.489.948.999
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		258.282.596.876	63.377.348.697
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	352.848.973.344	289.471.624.647
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	611.131.570.220	352.848.973.344

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt: *Thúc*



Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2015

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	529.110.000.000	-	300.000.000.000	829.110.000.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(2.298.112.650)	-	-	2.298.112.650	-	-	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	3.556.412.666	3.556.412.666	-	-	54.847.573	-	3.556.412.666	3.611.260.239
4. Quỹ dự phòng tài chính	3.556.412.667	3.556.412.667	-	-	54.847.573	-	3.556.412.667	3.611.260.240
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.015.427.987	17.554.791.668	-	(19.460.636.319)	20.055.075.606	-	17.554.791.668	37.609.867.274
TỔNG CỘNG	341.830.140.670	324.667.617.001	-	(17.162.523.669)	549.274.770.752	-	324.667.617.001	873.942.387.753

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2015

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014, thay thế giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Ngày 5 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 05/GPDC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty gia tăng vốn điều lệ lên 615.000 triệu đồng.

Tháng 12 năm 2014, căn cứ Quyết định của chủ sở hữu Công ty về việc tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng, Công ty đã hoàn thành tất cả các thủ tục tăng vốn và trình nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Ngày 10 tháng 12 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 6805/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ tăng vốn.

Ngày 15 tháng 1 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 05/GPDC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty gia tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 238 (31 tháng 12 năm 2013: 239).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn về chế độ tài chính đối với công ty Chứng khoán, công ty Quản lý quỹ.

Ngày 06 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty Chứng khoán, công ty Quản lý quỹ. Thông tư có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và áp dụng cho năm tài chính 2014. Theo qui định của Thông tư này, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định như sau:

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch

- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- ▶ Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch

- ▶ Giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phân ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong báo cáo hoạt động kinh doanh trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp văn phòng cho thuê	3 - 6 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm
Phần mềm tin học	3 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu và yêu cầu một sự đánh giá liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá trị hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.9.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn bao gồm những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí, phí ngân hàng và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

3.9.2 Giá trị hợp lý của chứng khoán

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định cho từng loại chứng khoán theo giá mua bán trên thị trường.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Công ty không có nghĩa vụ tiếp tục tài trợ cho các lợi ích của nhân viên sau khi nghỉ hưu, ngoại trừ trách nhiệm đóng bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.11.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngân hàng mà Công ty có tài khoản ngoại tệ tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.14 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.16 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014.

Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế Mức trích lập tối đa

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên. Việc trích lập các quỹ chỉ thực hiện hàng năm dựa trên số liệu trên báo cáo tài chính năm đó được kiểm toán.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận được phân chia cho chủ sở hữu khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
		VNĐ
		<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	62.343.236	78.846.093
Tiền gửi ngân hàng	2.469.657.262	349.894.807
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	211.489.569.722	248.411.361.437
Các khoản tương đương tiền	397.110.000.000	104.008.871.007
TỔNG CỘNG	<u>611.131.570.220</u>	<u>352.848.973.344</u>

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)</i>
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	5.744.886	55.554.156.800
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	3.458.372.304	50.220.235.993.640
TỔNG CỘNG	<u>3.464.117.190</u>	<u>50.275.790.150.440</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập
		Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Trả trước cho người bán		760.625.000	-	-	29.520.184.790	(30.113.436.790)	167.373.000	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		351.105.649.266	-	10.093.389.311	67.709.393.634.860	(67.279.582.840.375)	780.916.443.751	-	10.093.389.311	10.093.389.311
- Nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	(a)	311.764.487.384	-	-	26.197.498.905.285	(25.782.278.578.111)	726.984.814.558	-	-	-
- Nghiệp vụ hợp tác đầu tư	(b)	10.093.389.311	-	10.093.389.311	-	-	10.093.389.311	-	10.093.389.311	10.093.389.311
- Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	(c)	29.082.524.676	-	-	41.509.970.041.634	(41.495.441.755.055)	43.610.811.255	-	-	-
- Dịch vụ lưu ký		165.247.895	-	-	1.924.687.941	(1.862.507.209)	227.428.627	-	-	-
3. Các khoản phải thu khác		779.403.704	-	-	18.705.422.637	(17.979.569.012)	1.505.257.329	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi		251.338.139	-	-	6.032.699.703	(5.741.327.177)	542.710.665	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		528.065.565	-	-	12.672.722.934	(12.238.241.835)	962.546.664	-	-	-
TỔNG CỘNG		352.645.677.970	-	10.093.389.311	67.757.619.242.287	(67.327.675.846.177)	782.589.074.080	-	10.093.389.311	10.093.389.311

- (a) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư hoặc tài sản, có thời hạn hiệu lực không quá 3 tháng và chịu lãi suất 0,038%/ngày tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.
- (b) Đây là các khoản phải thu quá hạn còn lại theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư. Theo quy định của Ủy ban Chứng khoán, Công ty đã chấm dứt các nghiệp vụ này từ ngày 7 tháng 7 năm 2012.
- (c) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày bán chứng khoán và sẽ được thu hồi vào ngày thanh toán. Các khoản tạm ứng này chịu mức lãi suất là 0,038%/ngày tính trên số tiền ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	10.093.389.311	8.157.237.439
Số trích lập trong năm	-	4.106.332.202
Số hoàn nhập trong năm	-	(2.170.180.330)
Số dư cuối năm	10.093.389.311	10.093.389.311

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	VNĐ	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí bảo trì hệ thống	1.814.835.877	447.135.523
Trả trước tiền thuê văn phòng	324.326.471	365.640.304
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	552.439.806	1.982.933.365
TỔNG CỘNG	2.691.602.154	2.795.709.192

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.795.709.192	2.848.309.878
Tăng trong năm	15.033.534.160	12.218.369.480
Phân bổ trong năm	(15.137.641.198)	(12.270.970.166)
Số dư cuối năm	2.691.602.154	2.795.709.192

7.2 Tài sản ngắn hạn khác

	VNĐ	
	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	3.173.332.540	3.026.332.540
Tạm ứng	116.408.495	159.612.000
Ký quỹ khác	59.507.665	227.724.031
TỔNG CỘNG	3.349.248.700	3.413.668.571

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	30.144.702.883	3.052.011.905	1.312.090.622	34.508.805.410
Mua trong năm	2.419.023.520	-	-	2.419.023.520
Số dư cuối năm	32.563.726.403	3.052.011.905	1.312.090.622	36.927.828.930
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	12.055.486.657	1.379.274.405	25.098.740	13.459.859.802
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm	19.968.522.226	2.489.642.401	565.753.924	23.023.918.551
Khấu hao trong năm	3.360.236.790	267.522.572	258.961.951	3.886.721.313
Số dư cuối năm	23.328.759.016	2.757.164.973	824.715.875	26.910.639.864
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	10.176.180.657	562.369.504	746.336.698	11.484.886.859
Số dư cuối năm	9.234.967.387	294.846.932	487.374.747	10.017.189.066

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
	<u>Phần mềm tin học</u>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	16.647.026.740
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	356.050.526
Mua trong năm	<u>5.280.000</u>
Số dư cuối năm	<u>17.008.357.266</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	13.378.280.400
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	14.166.229.251
Khấu hao trong năm	<u>1.249.571.617</u>
Số dư cuối năm	<u>15.415.800.868</u>
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	<u>2.480.797.489</u>
Số dư cuối năm	<u>1.592.556.398</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chi phí cải tạo văn phòng	1.907.950.503	3.623.664.793
Chi phí vật dụng văn phòng	<u>2.504.573.637</u>	<u>4.016.447.934</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.412.524.140</u>	<u>7.640.112.727</u>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	VNĐ	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	7.640.112.727	1.292.983.490
Tăng trong năm	184.411.400	8.649.621.007
Phân bổ trong năm	<u>(3.411.999.987)</u>	<u>(2.302.491.770)</u>
Số dư cuối năm	<u>4.412.524.140</u>	<u>7.640.112.727</u>

11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Theo đó, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm.

Biến động tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VNĐ
Tiền nợ ban đầu	120.000.000
Tiền nợ bổ sung đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	9.024.975.804
Lãi phân bổ trong năm 2008	4.040.362
Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	9.149.016.166
Tiền nợ bổ sung trong năm	2.500.000.000
Số dư vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11.649.016.166

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay thấu chi tại ngân hàng (i)	28.533.791.381	10.280.661.454
Vay Maybank Kim Eng Holdings Limited (ii)	107.113.000.000	63.300.000.000
Vay ngân hàng Malayan Banking Berhad - chi nhánh Hà Nội (iii)	80.000.000.000	76.000.000.000
Vay ngân hàng Malayan Banking Berhad - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	50.000.000.000	4.000.000.000
	265.646.791.381	153.580.661.454

(i) Đây là khoản vay thấu chi tại một ngân hàng trong nước nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi do ngân hàng xác định tại từng thời điểm và được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ tài khoản phải thu của khách hàng và khoản cho vay ký quỹ.

(ii) Đây là khoản vay bằng USD từ Maybank Kim Eng Holding Limited nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất bằng 1,5%/năm cộng lãi suất tiền gửi ngắn hạn một tháng của một ngân hàng thương mại trong nước hoặc 1,5%/năm cộng chi phí vốn của Công ty, ưu tiên lãi suất cao hơn.

(iii) Hai khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cộng 1,5%/năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Chi tiêu</i>	VNĐ			
	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số dư cuối năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	1.402.719.346	22.320.973.060	(22.028.693.339)	1.694.999.067
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	441.730.703	7.608.197.970	(7.614.091.803)	435.836.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ nhà đầu tư tổ chức	21.696.177	1.536.550.717	(1.393.080.024)	165.166.870
Thuế giá trị gia tăng	-	1.212.308.556	(933.037.569)	279.270.987
Thuế nhà thầu	17.344.636	953.021.635	(781.150.038)	189.216.233
TỔNG CỘNG	<u>1.883.490.862</u>	<u>33.631.051.938</u>	<u>(32.750.052.773)</u>	<u>2.764.490.027</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Trích tiền thưởng	10.730.269.742	3.145.098.064
Phí môi giới phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	1.161.868.445	925.282.806
Phí dịch vụ chuyên môn	305.497.500	533.593.500
Chi phí phải trả khác	4.590.235.618	2.481.893.454
TỔNG CỘNG	<u>16.787.871.305</u>	<u>7.085.867.824</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Kinh phí công đoàn	72.867.942	-
Phải trả khác	116.767.456	110.869.634
TỔNG CỘNG	<u>189.635.398</u>	<u>110.869.634</u>

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư tại tài khoản của Công ty cho hoạt động đầu tư chứng khoán và thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẶC LẠI PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Khấu hao tài sản cố định	<u>26.585.305</u>	<u>10.118.718</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác nhau giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VNĐ				
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 1 tháng 1 năm 2014	300.000.000.000	3.556.412.666	3.556.412.667	17.554.791.668	324.667.617.001
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	20.164.770.752	20.164.770.752
- Trích quỹ trong năm	-	54.847.573	54.847.573	(109.695.146)	-
- Tăng vốn bằng tiền	529.110.000.000	-	-	-	529.110.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	829.110.000.000	3.611.260.239	3.611.260.240	37.609.867.274	873.942.387.753

Ngày 5 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành Giấy phép điều chỉnh số 05/GPDC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty gia tăng vốn điều lệ lên 615.000 triệu đồng.

Tháng 12 năm 2014, căn cứ Quyết định của chủ sở hữu Công ty về việc tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng, Công ty đã hoàn thành tất cả các thủ tục tăng vốn và trình nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Ngày 10 tháng 12 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 6805/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam về việc đã nhận đầy đủ hồ sơ tăng vốn.

Ngày 15 tháng 1 năm 2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành giấy phép điều chỉnh số 05/GPDC-UBCK về việc chấp thuận cho Công ty gia tăng vốn điều lệ lên 829.110 triệu đồng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Vốn đã góp

VNĐ

	Số tiền theo giấy phép thành lập và hoạt động	%	Số vốn điều lệ đã góp
Maybank Kim Eng Holdings Limited	829.110.000.000	100	829.110.000.000

19. DOANH THU KHÁC

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	59.544.287.825	37.122.685.229
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	13.737.250.370	11.711.908.993
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	8.674.116.969	4.762.153.023
Doanh thu khác	7.653.189.956	3.803.209.981
TỔNG CỘNG	89.608.845.120	57.399.957.226

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	40.365.624.217	37.161.122.296
Chi phí môi giới chứng khoán	15.758.379.076	9.369.050.102
Chi phí lãi vay	13.439.429.932	4.546.621.509
Hoa hồng đại lý	9.031.822.758	4.558.795.129
Chi phí thuê văn phòng	6.207.507.961	7.830.227.020
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.610.887.072	2.146.512.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.510.446.866	2.258.352.582
Chi phí tư vấn	972.978.417	103.385.204
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	637.304.294	477.164.228
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	316.687.322	3.162.820.456
Chi phí khác	5.518.115.302	7.396.882.554
TỔNG CỘNG	96.369.183.217	79.010.933.125

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	40.325.933.752	27.293.264.667
Chi phí sửa chữa và bảo trì	7.052.505.980	5.190.871.070
Chi phí thuê văn phòng	5.053.373.086	3.717.616.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.625.846.064	3.632.302.974
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.398.339.226	550.612.474
Thuế, phí và lệ phí	24.024.736	67.528.034
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	1.936.151.872
Chi phí khác bằng tiền	14.346.835.413	13.056.915.673
TỔNG CỘNG	71.826.858.257	55.445.262.907

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

22.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	20.806.632.906	(18.835.398.711)
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	1.715.975.006	1.117.929.802
- Chi phí trích trước trong năm	-	3.358.719.800
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Trích chi phí dự phòng phải thu	-	(2.447.171.232)
- Chi phí trích trước đã loại ra khi quyết toán thuế	(3.044.642.239)	(2.386.441.053)
- Chi phí khấu hao bổ sung do chênh lệch về thời gian khấu hao	(74.848.123)	(40.474.872)
- Cổ tức	(14.988.800)	(305.670)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	19.388.128.750	(19.233.141.936)
Lỗ năm trước chuyển sang	(19.233.141.936)	
Điều chỉnh lỗ năm trước chuyển sang theo quyết toán thuế năm 2013	(24.144.524)	-
Thu nhập chịu thuế/(lỗ) tính thuế ước tính trong năm hiện hành	130.842.290	(19.233.141.936)
Thuế TNDN	28.785.304	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước	596.610.263	3.326.082
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	625.395.567	3.326.082
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(3.071.721.279)	(3.075.047.361)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(2.446.325.712)	(3.071.721.279)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VNĐ

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại						
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	(611.792.808)	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	(766.037.550)
	-	-				
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả						
Khấu hao tài sản cố định	26.585.305	10.118.718	(16.466.587)	(10.118.718)	-	-
	<u>26.585.305</u>	<u>10.118.718</u>				
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại thuần			(16.466.587)	(621.911.526)	-	(766.037.550)

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Maybank International Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay	127.821.000.000
		Trả tiền vay	127.821.000.000
		Trả lãi vay	854.419.130
Maybank Kim Eng Holdings Limited (MBKEH)	Công ty mẹ	Vay	336.871.300.000
		Trả gốc vay	293.058.300.000
		Trả lãi vay	3.108.754.787
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của MBKEH	Trả hoa hồng	1.694.746.035
		Thu phí môi giới	26.588.990
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Limited	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	272.743.640
Kim Eng Securities (Hong Kong) Limited	Công ty con của MBKEH	Thu phí môi giới	39.401.400
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Trả gốc vay	254.000.000.000
		Gửi tiền có kỳ hạn	22.000.000.000
		Trả lãi vay	2.260.718.763
		Thu lãi tiền gửi	1.222.222

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
			VNĐ
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Trả gốc vay Gửi tiền có kỳ hạn Trả lãi vay Thu lãi tiền gửi	54.000.000.000 10.742.343.583 1.772.337.517 11.779.201
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Thu phí nghiên cứu Trả phí nghiên cứu	2.110.356.818 358.841.368

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu/ phải trả</i>
			VNĐ
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay	(107.113.000.000)
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Lãi vay	(80.000.000.000) (73.194.444)
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Lãi vay	(50.000.000.000) (63.194.444)
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của MBKEH	Phí Marketing Phí môi giới Phải trả khác	(1.133.489.521) (212.390.737) (23.495.409)
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của công ty chủ quản cấp cao nhất	Phải thu khác	109.522.500
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Bên liên quan	Phải thu khác	17.044.965

Các giao dịch với các bên liên quan khác trong năm:

	VNĐ
Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc	<u>3.859.139.445</u>

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng cho trụ sở chính và các chi nhánh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Đến 1 năm	10.699.377.688	8.699.901.244
Từ 1 đến 5 năm	21.786.858.384	31.812.572.134
Tổng cộng	<u>32.486.236.072</u>	<u>40.512.473.378</u>

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có phát sinh rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vì đa phần các khoản vay trong năm này có lãi suất cố định.

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý rủi ro của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	VNĐ			
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 – 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Vay và nợ ngắn hạn	28.533.791.381	237.113.000.000	-	265.646.791.381
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	260.981.209.801	-	-	260.981.209.801
Chi phí phải trả	4.836.457.566	-	-	4.836.457.566
- <i>Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK</i>	1.161.868.445	-	-	1.161.868.445
- <i>Phí dịch vụ chuyên môn</i>	305.497.500	-	-	305.497.500
- <i>Chi phí phải trả khác</i>	3.369.091.621	-	-	3.369.091.621
	294.351.458.748	237.113.000.000	-	531.464.458.748
Ngày 31 tháng 12 năm 2013				
Vay và nợ ngắn hạn	-	153.580.661.454	-	153.580.661.454
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	247.188.442.651	-	-	247.188.442.651
Chi phí phải trả	3.358.719.800	-	-	3.358.719.800
- <i>Phí môi giới phải trả cho Sở GDCK</i>	925.282.806	-	-	925.282.806
- <i>Phí dịch vụ chuyên môn</i>	533.593.500	-	-	533.593.500
- <i>Chi phí phải trả khác</i>	1.899.843.494	-	-	1.899.843.494
	250.547.162.451	153.580.661.454	-	404.127.823.905

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp các khoản phải thu từ tài khoản phải thu của khách hàng và khoản cho vay ký quỹ để đảm bảo cho hợp đồng vay thấu chi tại một ngân hàng trong nước (*Thuyết minh số 12*).

Công ty có nắm giữ các chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán, các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty cầm cố các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 183.000.000.000 đồng để đảm bảo cho các khoản vay tại một ngân hàng thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính(tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tài sản tài chính				
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
- Chứng khoán thương mại				
Cổ phiếu niêm yết	-	4.074.400	-	4.074.400
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	772.495.684.769	342.552.288.659	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	611.131.570.220	352.848.973.344	611.131.570.220	352.848.973.344
Tổng cộng	1.383.627.254.989	695.405.336.403	611.131.570.220	352.853.047.744
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	265.646.791.381	153.580.661.454	(*)	(*)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	260.981.209.801	247.189.686.210	(*)	(*)
Chi phí phải trả	4.836.457.566	3.358.719.800	4.836.457.566	3.358.719.800
Tổng cộng	531.464.458.748	404.129.067.464	4.836.457.566	3.358.719.800

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch.

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

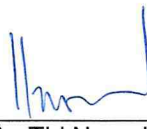
Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt: 



Đào Thị Ngọc Thủy
Kế toán viên



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng



Nguyễn Hoàng Thiên Trúc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2015